

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ TƯƠNG ĐƯƠNG B1

(Đợt thi 24,25 tháng 5 năm 2025)

(Kèm theo biên bản họp HĐ ĐGNLNN số ngày tháng năm 2025)

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
1	TA256001	20810170336	Nguyễn Thế	Ái	18/01/2002	15,0	15,5	30,00	6,0	66,5	
2	TA256002	20810000223	Nguyễn Văn	An	18/05/2002	16,0	14,5	28,50	13,0	72,0	
3	TA256003	21819110020	Hoàng Hải	Anh	29/04/2003	16,0	17,0	30,00	10,0	73,0	
4	TA256004	20810430308	Lê Duy	Anh	19/08/2002	16,0	18,0	30,00	10,0	74,0	
5	TA256005	21810310149	Nguyễn Minh	Anh	17/10/2003	16,0	17,0	30,00	20,0	83,0	
6	TA256006	18810620029	Nguyễn Quang	Anh	27/06/2000	15,0	15,5	30,00	21,0	81,5	
7	TA256007	20810000040	Phạm Tuấn	Anh	25/04/2002	16,0	18,0	25,00	17,0	76,0	
8	TA256008	21810860251	Tạ Đức	Anh	27/03/2003	16,0	17,5	23,00	13,0	69,5	
9	TA256009	21810710450	Đỗ Thị	Ánh	20/02/2003	16,0	14,0	23,00	14,0	67,0	
10	TA256010	21810670347	Trần Văn	Ánh	07/04/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
11	TA256011	21810110203	Đỗ Cao	Biên	27/12/2003	18,0	17,0	21,50	14,0	70,5	
12	TA256012	21810180449	Phùng Huy	Bình	17/09/2003	17,0	19,0	24,00	17,0	77,0	
13	TA256013	21810630312	Đặng Đức	Công	27/09/2003	16,0	15,0	29,00	17,0	77,0	
14	TA256014	20810000198	Vì Tuấn	Công	15/04/2002	17,0	17,5	27,50	8,0	70,0	
15	TA256015	21810630008	Phạm Vũ	Cường	26/06/2003	23,0	15,0	20,50	10,0	68,5	
16	TA256016	19819120138	Trần Đức	Cường	30/12/2001	16,0	15,0	19,00	9,0	59,0	
17	TA256017	21810110012	Lương Xuân	Chiến	26/10/2003	14,0	18,0	27,50	19,0	78,5	
18	TA256018	21810680441	Chu Văn	Chung	14/03/2003	16,0	16,0	18,00	9,0	59,0	
19	TA256019	18810620009	Bùi Tiến	Dũng	10/10/2000	17,0	18,0	27,50	6,0	68,5	
20	TA256020	20810610014	Nguyễn Mạnh	Dũng	08/10/2002	19,0	14,0	26,50	10,0	69,5	
21	TA256021	21810510552	Nguyễn Văn	Dũng	17/09/2003	18,0	18,0	30,00	18,0	84,0	
22	TA256022	20819120021	Đỗ Phú	Duy	22/10/2002	19,0	17,5	25,50	18,0	80,0	
23	TA256023	21810620466	Nguyễn Tiến	Duy	04/06/2003	16,0	18,0	23,00	20,0	77,0	
24	TA256024	19810310131	Hoàng Ánh	Dương	19/07/2001	19,0	15,5	26,50	13,0	74,0	
25	TA256025	20810000419	Hoàng Công	Dương	09/07/2002	18,0	16,0	25,50	12,0	71,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
26	TA256026	21810650314	Lê Quý	Dương	11/02/2003	16,0	16,0	25,50	21,0	78,5	
27	TA256027	19810710074	Nguyễn Hoàng	Dương	17/07/2001	19,0	18,0	26,50	22,0	85,5	
28	TA256028	21810110163	Trần Quý	Dương	04/01/2003	19,0	16,0	24,00	10,0	69,0	
29	TA256029	1781310186	Ngô Thành	Đạt	27/02/1999	17,0	18,0	25,50	19,0	79,5	
30	TA256030	21810510074	Phạm Thành	Đạt	21/03/2003	15,0	16,5	28,50	10,0	70,0	
31	TA256031	21810610046	Vũ Thành	Đạt	23/12/2003	16,0	17,0	28,50	8,0	69,5	
32	TA256032	19810310124	Nguyễn Xuân	Đoàn	03/09/2001	18,0	18,0	30,00	17,0	83,0	
33	TA256033	20810620135	Đào Trọng	Đức	16/12/2002	17,0	15,0	26,50	11,0	69,5	
34	TA256034	19810430330	Hà Duy	Đức	07/02/2001	20,0	17,0	30,00	16,0	83,0	
35	TA256035	21810670290	Nguyễn Minh	Đức	19/09/2003	19,0	18,0	30,00	9,0	76,0	
36	TA256036	20810510065	Quách Thế	Đức	13/03/2002	19,0	16,5	25,00	9,0	69,5	
37	TA256037	19810320589	Đỗ Đăng Trường	Giang	09/05/2001	16,0	17,5	28,50	21,0	83,0	
38	TA256038	19810000007	Nguyễn Hoàng	Giang	01/07/2001	18,0	18,0	25,00	17,0	78,0	
39	TA256039	21810180543	Giàng Văn	Giàng	05/07/2003	16,0	16,0	30,00	8,0	70,0	
40	TA256040	21810540440	Đào Xuân	Hà	20/01/2003	15,0	17,0	27,50	20,0	79,5	
41	TA256041	21810810283	Ngô Việt	Hà	26/04/2003	13,0	18,0	27,50	20,0	78,5	
42	TA256042	20810340142	Bùi Thanh	Hải	21/07/2002	15,0	16,0	28,50	18,0	77,5	
43	TA256043	21810000434	Nguyễn Tiến	Hải	06/07/2003	11,0	18,0	26,50	20,0	75,5	
44	TA256044	21810720225	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	27/11/2003	13,0	18,0	28,50	20,0	79,5	
45	TA256045	21819110134	Lương Phúc	Hậu	28/07/2003	24,0	17,0	26,50	19,0	86,5	
46	TA256046	21810430425	Đỗ Tuấn	Hiệp	20/12/2003	25,0	18,0	28,50	21,0	92,5	
47	TA256047	20810430175	Nguyễn Trọng	Hiếu	25/09/2002	22,0	18,0	23,00	21,0	84,0	
48	TA256048	21810820241	Nguyễn Trung	Hiếu	10/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
49	TA256049	21819110001	Lưu Ngọc	Hoàn	07/08/2003	16,0	17,0	28,50	20,0	81,5	
50	TA256050	20810410090	Nguyễn Duy	Hoàng	28/10/2002	25,0	16,5	20,50	20,0	82,0	
51	TA256051	20810430270	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2002	24,0	18,0	29,00	12,0	83,0	
52	TA256052	21819110192	Trần Mậu	Hoàng	20/03/2003	17,0	17,0	26,50	12,0	72,5	
53	TA256053	21810850383	Nguyễn Thị Ngọc	Huế	07/11/2003	18,0	15,5	30,00	15,0	78,5	
54	TA256054	20810410073	Đỗ Phi	Hùng	25/06/2002	24,0	17,5	23,00	21,0	85,5	
55	TA256055	21810000423	Đào Việt	Huy	20/11/2003	19,0	16,0	30,00	16,0	81,0	
56	TA256056	21819110131	Nguyễn Bá	Huy	17/09/2003	15,0	18,0	26,50	19,0	78,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
57	TA256057	21810680437	Nguyễn Quốc	Huy	19/01/2003	20,0	19,0	21,50	20,0	80,5	
58	TA256058	20810620106	Phùng Mạnh	Huy	01/11/2002	23,0	15,0	21,50	21,0	80,5	
59	TA256059	21810810063	Đinh Ngọc	Huyền	11/08/2003	20,0	18,0	30,00	21,0	89,0	
60	TA256060	21810810280	Mai Thị Thanh	Huyền	29/10/2003	18,0	16,0	30,00	20,0	84,0	
61	TA256061	21810860237	Lê Văn	Hưng	12/01/2003	18,0	16,0	25,00	19,0	78,0	
62	TA256062	21810620458	Lê Văn	Hưng	11/09/2003	18,0	14,0	27,50	11,0	70,5	
63	TA256063	18810110245	Lương Trung	Hưng	29/07/2000	15,0	18,0	29,00	18,0	80,0	
64	TA256064	20810170396	Nguyễn Tuấn	Hưng	15/07/2002	24,0	17,0	29,00	20,0	90,0	
65	TA256065	21810630009	Trần Vĩnh	Hưng	06/09/2003	24,0	14,0	10,50	17,0	65,5	
66	TA256066	20810110213	Nguyễn Thuý	Hường	21/08/2002	15,0	15,0	27,50	18,0	75,5	
67	TA256067	20819120050	Lê Duy	Khá	25/06/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
68	TA256068	21810850208	Đỗ An	Khánh	09/07/2003	17,0	16,0	15,50	19,0	67,5	
69	TA256069	21819110038	Lê Xuân	Khánh	22/01/2003	18,0	14,0	24,00	18,0	74,0	
70	TA256070	20810430180	Nguyễn Hữu Quốc	Khánh	02/09/2002	21,0	16,0	19,00	20,0	76,0	
71	TA256071	19810420345	Hà Văn	Khoan	19/09/2001	19,0	19,0	21,50	21,0	80,5	
72	TA256072	20810410054	Phạm Phúc	Lâm	21/01/2002	15,0	16,0	25,00	21,0	77,0	
73	TA256073	21810110125	Lê Văn	Linh	10/01/2003	14,0	16,0	24,00	12,0	66,0	
74	TA256074	21810710330	Nguyễn Thị	Linh	02/06/2003	14,0	15,0	27,50	19,0	75,5	
75	TA256075	1781510228	Trần Khánh	Linh	20/12/1998	19,0	17,0	22,50	12,0	70,5	
76	TA256076	20810420097	Trần Quang	Linh	04/04/2002	16,0	16,0	24,00	19,0	75,0	
77	TA256077	20810810157	Lã Thành	Long	10/01/2002	18,0	17,0	25,50	20,0	80,5	
78	TA256078	21810680436	Nguyễn Đình	Lượng	28/02/2003	18,0	17,0	20,50	20,0	75,5	
79	TA256079	21810710298	Phạm Thị Cẩm	Ly	22/10/2003	18,0	16,0	19,50	21,0	74,5	
80	TA256080	21810180316	Nguyễn Cảnh	Mạnh	16/06/2003	15,0	16,0	16,50	16,0	63,5	
81	TA256081	20810000215	Đặng Công	Minh	30/10/2002	23,0	16,0	25,00	10,0	74,0	
82	TA256082	21810110407	Lê Hồng	Minh	07/12/2003	23,0	19,0	24,00	20,0	86,0	
83	TA256083	20810430173	Nguyễn Danh Quang	Minh	27/02/2002	17,0	16,0	29,00	9,0	71,0	
84	TA256084	20810720273	Nguyễn Thị Trà	My	16/07/2002	14,0	16,0	25,50	8,0	63,5	
85	TA256085	20810310529	Đỗ Xuân	Nam	26/10/2002	13,0	16,0	22,50	17,0	68,5	
86	TA256086	19810430346	Hoàng Văn	Nam	06/02/2001	24,0	14,0	25,00	8,0	71,0	
87	TA256087	1781610065	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999	13,0	16,0	25,00	22,0	76,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
88	TA256088	20810820070	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002	20,0	16,0	19,00	11,0	66,0	
89	TA256089	19810000037	Trần Thị Hồng	Ngát	07/05/2001	13,0	16,0	28,50	9,0	66,5	
90	TA256090	21810810148	Nguyễn Thị	Ngân	15/10/2003	10,0	16,0	27,50	13,0	66,5	
91	TA256091	20810170384	Dương Tuấn	Nghĩa	10/11/2002	13,0	18,0	20,50	21,0	72,5	
92	TA256092	20810430133	Lê Minh	Nghĩa	21/11/2002	17,0	18,0	25,50	17,0	77,5	
93	TA256093	20810430242	Nguyễn Duy	Nghĩa	06/07/2002	18,0	18,0	21,50	11,0	68,5	
94	TA256094	20810110219	Nguyễn Trọng	Nghĩa	19/06/2002	18,0	17,0	0,00	19,0	54,0	
95	TA256095	19810430289	Nguyễn Đức	Ngọc	09/12/2001	16,0	15,0	26,50	10,0	67,5	
96	TA256096	20810420012	Nguyễn Tuấn	Ngọc	07/10/2001	14,0	17,0	25,00	21,0	77,0	
97	TA256097	21810110061	Đặng Minh	Nhật	15/07/2003	17,0	0,0	0,00	4,0	21,0	
98	TA256098	20810430325	Trần Thiên	Nhiên	12/10/2002	20,0	17,0	18,00	16,0	71,0	
99	TA256099	Thí sinh tự do	Phạm Ngọc	Pha	08/07/1993	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
100	TA256100	20810160524	Nguyễn Đình	Phú	20/01/2002	22,0	16,0	19,00	9,0	66,0	
101	TA256101	20810160469	Nguyễn Hoàng	Phúc	27/11/2002	22,0	16,0	23,00	10,0	71,0	
102	TA256102	21810810342	Phạm Thị Minh	Phương	13/10/2003	19,0	18,0	19,50	16,0	72,5	
103	TA256103	20810310285	Mai Đức	Quang	01/01/2002	18,0	17,0	27,50	14,0	76,5	
104	TA256104	19810110336	Nguyễn Văn	Quang	14/08/2001	18,0	15,0	28,50	20,0	81,5	
105	TA256105	20810160517	Nguyễn Văn	Quân	04/09/2002	21,0	15,0	17,00	18,0	71,0	
106	TA256106	21810410653	Cao Tiến	Quỳnh	23/08/2003	18,0	17,0	11,00	19,0	65,0	
107	TA256107	21810850393	Nguyễn Như	Quỳnh	19/08/2003	15,0	16,0	18,00	8,0	57,0	
108	TA256108	20810410003	Đàm Quang	Sáng	26/04/2002	19,0	14,0	21,50	21,0	75,5	
109	TA256109	21810820292	Đặng Thái	Sơn	30/10/2003	17,0	18,0	24,00	20,0	79,0	
110	TA256110	21810710228	Nguyễn Ngọc	Sơn	07/09/2003	14,0	15,0	23,00	21,0	73,0	
111	TA256111	21810820131	Nguyễn Văn	Sơn	04/02/2003	12,0	16,0	27,50	14,0	69,5	
112	TA256112	21819110160	Phạm Hùng	Sơn	22/08/2003	17,0	14,0	24,00	9,0	64,0	
113	TA256113	20810160553	Trần Ngọc	Sơn	20/08/2002	13,0	15,0	29,00	8,0	65,0	
114	TA256114	21819110142	Hồ Hữu	Tiến	25/10/2003	20,0	13,0	26,50	8,0	67,5	
115	TA256115	20810430381	Phạm Tuấn	Tiếp	02/03/2002	19,0	18,0	20,50	8,0	65,5	
116	TA256116	21819110132	Nguyễn Văn	Tình	09/03/2002	25,0	15,0	15,50	12,0	67,5	
117	TA256117	18810310640	Tô Văn	Toàn	14/02/2000	10,0	17,0	20,50	17,0	64,5	
118	TA256118	18810420324	Lê Phi	Tú	22/05/2000	8,0	15,0	30,00	7,0	60,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
119	TA256119	19810430252	Hoàng Văn	Tuấn	08/08/2001	14,0	15,0	28,50	20,0	77,5	
120	TA256120	18810430102	Phạm Xuân	Tuấn	30/06/2000	8,0	0,0	0,00	14,0	22,0	
121	TA256121	20810170411	Vũ Hoàng	Tuấn	19/06/2002	16,0	17,0	26,50	16,0	75,5	
122	TA256122	19810710118	Phạm Thanh	Tùng	28/02/2001	20,0	11,0	28,50	21,0	80,5	
123	TA256123	18810420317	Hoàng Đình	Tuyền	20/06/2000	17,0	17,0	28,50	8,0	70,5	
124	TA256124	20810110163	Ngô Bá	Tuyền	24/03/2002	16,0	17,0	23,00	18,0	74,0	
125	TA256125	20810000282	Đoàn Thị	Tuyết	10/09/2002	13,0	17,0	26,50	22,0	78,5	
126	TA256126	20819110074	Ngô Đức	Thành	31/12/2002	13,0	15,0	30,00	10,0	68,0	
127	TA256127	20810170417	Nguyễn Đức	Thành	16/12/2001	14,0	15,0	26,50	21,0	76,5	
128	TA256128	21810810271	Nguyễn Phương	Thảo	18/03/2003	24,0	19,0	29,00	21,0	93,0	
129	TA256129	20810320134	Võ Bình	Thắng	18/09/2002	12,0	13,0	29,00	7,0	61,0	
130	TA256130	21810720024	Nguyễn Hữu	Thuận	06/02/2003	15,0	20,0	20,50	17,0	72,5	
131	TA256131	19810230011	Phùng Thị	Thủy	07/01/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
132	TA256132	21819120173	Đỗ Duy	Thường	07/11/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
133	TA256133	21810860378	Nguyễn Thị	Trang	24/08/2003	15,0	16,0	30,00	7,0	68,0	
134	TA256134	21810710403	Trần Quỳnh	Trang	25/05/2003	6,0	19,0	25,50	18,0	68,5	
135	TA256135	18810820076	Lê Thị Quỳnh	Trâm	05/10/2000	10,0	19,0	14,50	7,0	50,5	
136	TA256136	20810430393	Nguyễn Thanh	Trúc	23/09/2002	24,0	13,0	15,50	15,0	67,5	
137	TA256137	19810430295	Lê Quang	Trường	02/02/2001	19,0	14,0	24,00	7,0	64,0	
138	TA256138	19810610059	Nguyễn Quang	Trường	02/02/2001	12,0	16,0	25,50	20,0	73,5	
139	TA256139	18810710145	Trịnh Thảo	Vi	17/08/2000	14,0	19,0	14,50	9,0	56,5	
140	TA256140	20810540055	Chu Đức	Việt	15/12/2001	14,0	16,0	24,00	21,0	75,0	
141	TA256141	20810430408	Phạm Thành	Vinh	02/10/2002	25,0	12,0	21,50	9,0	67,5	
142	TA256142	18810340556	Phạm Ngọc	Vũ	21/02/2000	15,0	18,0	25,50	18,0	76,5	
143	TA256143	19810310085	Mai Việt	Vương	07/07/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
144	TA256144	20810310429	Phạm Bá	Vương	10/06/2002	16,0	16,0	25,50	20,0	77,5	
145	TA256145	20810620105	Đỗ Duy	An	15/01/2002	9,0	16,0	22,50	8,0	55,5	
146	TA256146	21810680443	Trần Đình	An	06/09/2003	6,0	0,0	0,00	8,0	14,0	
147	TA256147	21810820267	Dương Quỳnh	Anh	28/12/2003	9,0	18,0	19,00	18,0	64,0	
148	TA256148	20810110194	Hoàng Tuấn	Anh	24/02/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
149	TA256149	21810710045	Lê Phương	Anh	15/07/2003	11,0	0,0	0,00	7,0	18,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
150	TA256150	20810410060	Nguyễn Huy Việt	Anh	30/04/2002	8,0	17,0	24,00	15,0	64,0	
151	TA256151	20810310493	Nguyễn Tuấn	Anh	28/05/2002	8,0	18,0	20,50	13,0	59,5	
152	TA256152	20810430288	Nguyễn Việt	Anh	08/09/2002	3,0	0,0	0,00	0,0	3,0	
153	TA256153	21810850216	Trần Quang	Anh	20/10/2003	15,0	18,0	17,00	8,0	58,0	
154	TA256154	20810000382	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	16/09/2002	13,0	18,0	22,50	8,0	61,5	
155	TA256155	21810720004	Mai Hoàng	Bảo	08/11/2003	7,0	17,0	17,00	13,0	54,0	
156	TA256156	21810860368	Phạm Long	Biên	23/10/2003	4,0	15,0	16,50	6,0	41,5	
157	TA256157	21810310611	Nguyễn Ngọc	Cương	01/03/2003	8,0	17,0	19,50	18,0	62,5	
158	TA256158	21810820158	Nguyễn Đức	Cường	09/05/2003	11,0	15,0	15,50	15,0	56,5	
159	TA256159	21810850215	Kiều Mai	Chi	13/05/2003	13,0	15,0	12,00	4,0	44,0	
160	TA256160	21810180500	Nguyễn Minh	Chiến	06/05/2003	12,0	14,0	19,00	7,0	52,0	
161	TA256161	21810620444	Trần Hồng	Chuyên	15/12/2003	14,0	16,0	11,00	12,0	53,0	
162	TA256162	21810820234	Đinh Phương	Dung	07/10/2003	17,0	20,0	22,50	17,0	76,5	
163	TA256163	21810710110	Lê Quang	Dũng	16/08/2003	10,0	17,0	23,00	11,0	61,0	
164	TA256164	21810170414	Nguyễn Tiến	Dũng	04/10/2002	6,0	16,0	18,00	11,0	51,0	
165	TA256165	20810110266	Phùng Đức	Dũng	26/02/2002	7,0	12,0	14,50	14,0	47,5	
166	TA256166	20810000132	Nguyễn Gia Hoàng	Duy	12/10/2002	0,0	19,0	0,00	0,0	19,0	
167	TA256167	21810820262	Hoàng Kim	Dược	09/05/2003	8,0	17,0	22,50	7,0	54,5	
168	TA256168	21810710396	Phạm Văn	Dương	04/05/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
169	TA256169	21810720376	Trần Thị	Đào	28/08/2003	7,0	13,0	8,50	6,0	34,5	
170	TA256170	21810540415	Nguyễn Cảnh	Đạt	29/08/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
171	TA256171	20810160565	Nguyễn Quốc	Đạt	06/06/2002	14,0	10,0	14,50	9,0	47,5	
172	TA256172	21810610044	Nguyễn Tiến	Đạt	06/01/2003	12,0	8,0	0,00	8,0	28,0	
173	TA256173	20810110275	Lưu Văn	Đô	18/08/2002	12,0	9,0	16,50	4,0	41,5	
174	TA256174	Thí sinh tự do	Đặng Trần	Đức	14/09/1999	5,0	0,0	0,00	8,0	13,0	
175	TA256175	20810410066	Nguyễn Minh	Đức	25/10/2002	10,0	18,0	13,00	15,0	56,0	
176	TA256176	2272010261	Trịnh Huỳnh	Đức	11/06/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
177	TA256177	21810620067	Nguyễn Duy Tiến	Giang	07/11/2003	10,0	13,0	16,50	10,0	49,5	
178	TA256178	19810420335	Nguyễn Tiến	Giáp	30/11/2000	6,0	16,0	10,50	14,0	46,5	
179	TA256179	21810310187	Lê Mạnh	Hà	08/07/2003	14,0	19,0	19,00	12,0	64,0	
180	TA256180	21810810067	Phùng Thị	Hà	01/01/2003	14,0	9,0	22,50	8,0	53,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
181	TA256181	21810810305	Lê Thị	Hạnh	25/09/2003	9,0	4,0	8,50	6,0	27,5	
182	TA256182	21810820125	Nguyễn Yến	Hạnh	03/11/2003	13,0	12,0	28,50	10,0	63,5	
183	TA256183	21810710448	Phạm Thị Minh	Hằng	19/06/2003	15,0	15,0	13,00	10,0	53,0	
184	TA256184	21810710008	Nguyễn Thu	Hiền	07/03/2003	12,0	12,0	11,00	11,0	46,0	
185	TA256185	23810510141	Nguyễn Văn	Hiệp	29/06/2005	14,0	9,0	12,00	13,0	48,0	
186	TA256186	20810420018	Dương Trung	Hiếu	01/01/2002	24,0	10,0	14,50	18,0	66,5	
187	TA256187	20810000225	Ngô Quang	Hiếu	12/05/2002	16,0	20,0	25,00	20,0	81,0	
188	TA256188	19810110247	Vũ Huy	Hiếu	01/05/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
189	TA256189	20810000022	Trần Văn	Hòa	17/11/2002	18,0	16,0	16,50	15,0	65,5	
190	TA256190	21810820166	Bùi Minh	Hoàng	13/01/2003	9,0	17,0	13,00	12,0	51,0	
191	TA256191	20810170353	Nguyễn Đình	Hoàng	26/07/2002	13,0	12,0	15,50	12,0	52,5	
192	TA256192	21810430550	Lê Văn	Hoạt	14/05/2003	14,0	15,0	15,50	19,0	63,5	
193	TA256193	21810610403	Đoàn Văn	Hùng	05/04/2003	13,0	9,0	22,50	11,0	55,5	
194	TA256194	21819120158	Phạm Mạnh	Hùng	10/04/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
195	TA256195	20CH5020017	Hà Lê	Huy	28/12/1997	20,0	20,0	25,00	21,0	86,0	
196	TA256196	20810000379	Nguyễn Ngọc	Huy	02/04/2002	20,0	19,0	27,50	15,0	81,5	
197	TA256197	20810000452	Nguyễn Văn	Huy	24/09/2002	17,0	10,0	14,50	10,0	51,5	
198	TA256198	21810710171	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	23/11/2001	13,0	0,0	19,00	20,0	52,0	
199	TA256199	21810180451	Đoàn Việt	Hưng	28/09/2003	14,0	14,0	18,00	18,0	64,0	
200	TA256200	20810310347	Nguyễn Mạnh	Hưng	29/01/2002	13,0	18,0	15,50	18,0	64,5	
201	TA256201	21810850379	Quách Duy	Hưng	16/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
202	TA256202	Thí sinh tự do	Nguyễn Thị	Hường	16/03/1985	13,0	0,0	19,50	20,0	52,5	
203	TA256203	21810340414	Trần Thế	Khải	30/10/2003	8,0	19,0	15,50	19,0	61,5	
204	TA256204	21810860384	Hoàng Ngọc	Khánh	21/09/2003	16,0	15,0	22,50	18,0	71,5	
205	TA256205	21810850414	Ngô Duy	Khánh	20/12/2003	13,0	15,0	19,00	8,0	55,0	
206	TA256206	21810810303	Phạm Dung	Khánh	13/08/2003	18,0	19,0	22,50	18,0	77,5	
207	TA256207	19810310150	Võ Đức	Khánh	22/04/2001	11,0	10,0	16,50	11,0	48,5	
208	TA256208	21810820305	Nguyễn Thị	Lan	17/03/2003	14,0	10,0	28,50	11,0	63,5	
209	TA256209	20810000111	Nguyễn Thị	Liên	15/10/2002	19,0	13,0	25,00	17,0	74,0	
210	TA256210	21810830311	Đỗ Hải	Linh	20/01/2003	11,0	17,0	20,50	16,0	64,5	
211	TA256211	21810610420	Hà Ngọc	Linh	19/03/2003	20,0	14,0	14,50	18,0	66,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
212	TA256212	21810710059	Nguyễn Hoài	Linh	12/12/2003	16,0	14,0	21,50	18,0	69,5	
213	TA256213	21810000393	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	19/12/2003	7,0	10,0	11,00	10,0	38,0	
214	TA256214	21810810080	Phan Phương	Linh	09/09/2003	9,0	10,0	18,00	15,0	52,0	
215	TA256215	21810310443	Vũ Khánh	Linh	07/02/2003	19,0	19,0	21,50	18,0	77,5	
216	TA256216	23810170245	Nguyễn Đức	Long	01/11/2005	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
217	TA256217	21810710349	Quách Đình	Long	09/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
218	TA256218	21810810279	Đỗ Hải	Ly	22/02/2003	16,0	15,0	23,00	13,0	67,0	
219	TA256219	21810820203	Lê Phương	Mai	29/10/2003	20,0	14,0	16,50	16,0	66,5	
220	TA256220	20810110226	Nguyễn Tiến	Mạnh	17/11/2002	13,0	13,0	0,00	6,0	32,0	
221	TA256221	20810630004	Vũ Văn	Mạnh	05/10/2001	11,0	7,0	0,00	15,0	33,0	
222	TA256222	20810340143	Đỗ Ngọc	Minh	26/09/2002	12,0	15,0	13,50	19,0	59,5	
223	TA256223	21810110138	Lê Nhật	Minh	19/04/2003	12,0	17,0	17,00	17,0	63,0	
224	TA256224	21810830245	Nguyễn Ngọc	Minh	10/10/2003	12,0	17,0	18,00	15,0	62,0	
225	TA256225	21810310345	Vũ Nhật	Minh	06/02/2003	15,0	17,0	11,00	17,0	60,0	
226	TA256226	20810410067	Đặng Nhật	Nam	05/10/2002	11,0	16,0	20,50	17,0	64,5	
227	TA256227	21810310486	Nguyễn Duy	Nam	26/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
228	TA256228	21810710281	Trần Quang	Nam	04/12/2003	18,0	12,0	16,50	7,0	53,5	
229	TA256229	21810000433	Nguyễn Thị Hằng	Nga	15/01/2002	12,0	11,0	13,50	17,0	53,5	
230	TA256230	21810860411	Nguyễn Mai	Ngân	20/08/2003	15,0	14,0	23,00	18,0	70,0	
231	TA256231	21810720446	Nguyễn Hữu	Nghĩa	14/07/2003	20,0	10,0	23,00	14,0	67,0	
232	TA256232	20810000145	Lê Thị	Ngọc	22/04/2002	19,0	15,0	10,50	15,0	59,5	
233	TA256233	21810820319	Đỗ Hạnh	Nguyên	24/02/2003	8,0	0,0	0,00	18,0	26,0	
234	TA256234	21810710194	Mai Hoàng	Nhật	14/06/2003	19,0	13,0	20,50	15,0	67,5	
235	TA256235	21810810274	Nguyễn Yên	Nhi	24/08/2003	17,0	16,0	14,50	13,0	60,5	
236	TA256236	21810850373	Phùng Thị Hồng	Nhung	26/03/2003	19,0	10,0	8,50	18,0	55,5	
237	TA256237	21810610485	Nguyễn Mai Kiều	Oanh	22/02/2003	20,0	14,0	19,00	18,0	71,0	
238	TA256238	21810110063	Nguyễn Đức	Phong	10/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
239	TA256239	20819110120	Đinh Công	Phú	19/03/1998	17,0	10,0	16,50	14,0	57,5	
240	TA256240	21810340536	Đỗ Hồng	Phúc	12/04/2003	15,0	17,0	19,50	19,0	70,5	
241	TA256241	21810810237	Lê Thu	Phương	26/08/2003	13,0	19,0	19,50	18,0	69,5	
242	TA256242	Thí sinh tự do	Nguyễn Xuân	Phương	16/06/1972	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
243	TA256243	20810000293	Đoàn	Quang	12/07/2002	11,0	20,0	25,50	16,0	72,5	
244	TA256244	21810610060	Nguyễn Duy	Quang	01/06/2003	8,0	13,0	13,00	6,0	40,0	
245	TA256245	21810860220	Trần Vinh	Quang	29/05/2003	5,0	15,0	9,50	4,0	33,5	
246	TA256246	19810340488	Nguyễn Đồng	Quân	15/06/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
247	TA256247	21810310097	Nguyễn Thế	Quý	17/11/2003	9,0	18,0	19,50	11,0	57,5	
248	TA256248	20810110277	Phạm Ngọc	Quý	04/08/2002	8,0	17,0	19,50	11,0	55,5	
249	TA256249	20810310404	Phạm Năng	Quyền	25/07/2002	5,0	0,0	0,00	8,0	13,0	
250	TA256250	21810000408	Nguyễn Trúc	Quỳnh	02/11/2003	12,0	19,0	25,50	15,0	71,5	
251	TA256251	20810630053	Vũ Ngọc	Sáng	16/11/2002	12,0	20,0	20,50	17,0	69,5	
252	TA256252	20810510089	Chu Trần Tiến	Sơn	10/08/2002	9,0	11,0	17,00	12,0	49,0	
253	TA256253	Thí sinh tự do	Nguyễn Ngọc	Sơn	01/04/1995	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
254	TA256254	20810310474	Đỗ Vũ	Tài	16/02/2002	20,0	19,0	25,50	12,0	76,5	
255	TA256255	21810820160	Đào Phúc	Tân	08/08/2003	5,0	14,0	8,50	11,0	38,5	
256	TA256256	20810310348	Đỗ Văn	Tiến	18/11/2002	8,0	15,0	15,50	11,0	49,5	
257	TA256257	20810430357	Nguyễn Trọng	Tiến	14/07/2002	12,0	15,0	21,50	10,0	58,5	
258	TA256258	21810170323	Bùi Văn	Tiện	13/09/2003	7,0	5,0	0,00	8,0	20,0	
259	TA256259	19810420288	Vũ Đình	Toàn	04/05/2001	14,0	11,0	19,50	9,0	53,5	
260	TA256260	21810430617	Nguyễn Văn	Tú	02/08/2003	15,0	14,0	10,50	11,0	50,5	
261	TA256261	21810720318	Trần Quang	Tú	22/10/2003	16,0	19,0	16,50	11,0	62,5	
262	TA256262	20810430230	Lê Anh	Tuấn	03/02/2002	10,0	18,0	16,50	13,0	57,5	
263	TA256263	20810430227	Nguyễn Văn	Tuấn	05/10/2002	12,0	9,0	0,00	8,0	29,0	
264	TA256264	21810620061	Vũ Trọng	Tuấn	02/10/2003	13,0	10,0	9,50	8,0	40,5	
265	TA256265	20810310353	Phạm Xuân	Tùng	20/03/2002	10,0	13,0	10,50	9,0	42,5	
266	TA256266	21810860371	Nguyễn Thị	Tuyến	18/02/2003	14,0	12,0	14,50	8,0	48,5	
267	TA256267	20810110235	Nguyễn Công	Thành	17/08/2001	15,0	15,0	13,50	7,0	50,5	
268	TA256268	21810710139	Lê Thị	Thảo	14/10/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
269	TA256269	21810810185	Trần Thị Phương	Thảo	06/04/2003	12,0	14,0	9,50	8,0	43,5	
270	TA256270	21810430572	Hoàng Đức	Thắng	09/09/2003	11,0	15,0	17,00	8,0	51,0	
271	TA256271	20810620078	Nguyễn Đức	Thắng	01/01/2002	12,0	14,0	11,00	6,0	43,0	
272	TA256272	20810110259	Trần Đức	Thiện	09/11/2002	7,0	15,0	12,00	8,0	42,0	
273	TA256273	Thí sinh tự do	Trần Quốc	Thuận	02/01/2001	14,0	19,0	28,50	16,0	77,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
274	TA256274	21810710163	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	27/03/2003	13,0	15,0	19,00	7,0	54,0	
275	TA256275	21810230020	Đinh Văn	Trà	28/07/2003	12,0	16,0	13,00	10,0	51,0	
276	TA256276	21810810284	Lê Thu	Trang	07/11/2003	14,0	0,0	0,00	4,0	18,0	
277	TA256277	21810710365	Nguyễn Thị	Trang	03/11/2003	9,0	18,0	14,50	11,0	52,5	
278	TA256278	21810810086	Trịnh Thu	Trang	20/11/2003	15,0	16,0	8,50	5,0	44,5	
279	TA256279	20810110248	Nguyễn Quốc	Trọng	26/12/2001	9,0	16,0	10,50	7,0	42,5	
280	TA256280	21810710326	Nguyễn Đức	Trung	12/04/2003	9,0	0,0	0,00	8,0	17,0	
281	TA256281	20810630040	Nguyễn Thế	Trung	19/11/2002	6,0	17,0	9,50	11,0	43,5	
282	TA256282	21810840335	Nguyễn Thọ	Trường	03/06/2003	14,0	0,0	0,00	1,0	15,0	
283	TA256283	21810810282	Phan Thị	Vân	01/12/2003	11,0	14,0	18,00	12,0	55,0	
284	TA256284	21810410668	Hoàng Đức	Vinh	17/10/2003	12,0	11,0	10,50	10,0	43,5	
285	TA256285	20810110292	Hoàng Minh	Vũ	04/06/2002	13,0	10,0	7,50	7,0	37,5	
286	TA256286	19810420319	Nguyễn Danh	Vương	19/08/2001	13,0	0,0	0,00	1,0	14,0	
287	TA256287	21810340542	Mai Hải	Yến	11/03/2003	13,0	18,0	17,00	13,0	61,0	
288	TA256288	20819120002	Lương Ngọc	An	02/01/2002	13,0	12,0	26,50	8,0	59,5	
289	TA256289	21810710141	Vũ Hồng	An	11/01/2003	11,0	18,0	25,00	10,0	64,0	
290	TA256290	21810310111	Đào Lê Đức	Anh	21/02/2004	8,0	19,0	25,50	19,0	71,5	
291	TA256291	20810340180	Lại Thế	Anh	01/09/2002	13,0	18,0	29,00	16,0	76,0	
292	TA256292	21810710196	Lương Thị Hải	Anh	01/09/2003	11,0	15,0	29,00	12,0	67,0	
293	TA256293	21810850413	Nguyễn Minh	Anh	18/12/2003	9,0	18,5	27,50	16,0	71,0	
294	TA256294	21810620435	Nguyễn Thành	Anh	11/08/2003	13,0	14,0	14,50	7,0	48,5	
295	TA256295	21810860247	Phạm Việt	Anh	19/08/2003	14,0	15,0	29,00	9,0	67,0	
296	TA256296	21810810102	Vũ Hoài	Anh	22/09/2003	13,0	16,0	25,50	11,0	65,5	
297	TA256297	21810160410	Nguyễn Việt	Ánh	13/10/2003	12,0	18,0	24,00	10,0	64,0	
298	TA256298	19810310478	Hoàng Khánh	Bằng	11/05/2001	12,0	20,0	20,50	16,0	68,5	
299	TA256299	23810220090	Đào Duy	Bình	21/12/2005	13,0	14,0	11,00	13,0	51,0	
300	TA256300	20810310409	Bùi Văn	Cao	29/01/2002	14,0	0,0	0,00	3,0	17,0	
301	TA256301	21810310190	Bùi Hùng	Cường	02/06/2003	9,0	8,0	14,50	5,0	36,5	
302	TA256302	21810110244	Nguyễn Văn	Cường	10/12/2003	12,0	0,0	0,00	12,0	24,0	
303	TA256303	21810860219	Lương Thị Kim	Chi	29/12/2003	12,0	14,0	12,00	13,0	51,0	
304	TA256304	20810230052	Nguyễn Hải	Chiều	31/07/2002	12,0	13,0	19,50	10,0	54,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
305	TA256305	20819110087	Nguyễn Thanh	Danh	25/03/2002	4,0	2,0	0,00	16,0	22,0	
306	TA256306	21810680405	Đặng Minh	Dũng	02/05/2003	10,0	2,0	0,00	8,0	20,0	
307	TA256307	20810430194	Lê Tuấn	Dũng	08/11/2002	13,0	0,0	0,00	2,0	15,0	
308	TA256308	21810710063	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/2003	8,0	8,0	23,00	8,0	47,0	
309	TA256309	21810310465	Đinh Văn	Duy	24/10/2002	11,0	12,0	27,50	12,0	62,5	
310	TA256310	21810430497	Nguyễn Hoàng	Duy	07/09/2003	6,0	17,0	15,50	9,0	47,5	
311	TA256311	21810860246	Bùi Đức	Dương	30/12/2003	4,0	8,0	18,00	11,0	41,0	
312	TA256312	21810430560	Vũ Quý	Dương	01/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
313	TA256313	21810410539	Ngô Quang	Đạo	24/02/2003	5,0	8,0	12,00	4,0	29,0	
314	TA256314	20810410039	Cần Ngọc	Đạt	26/08/2002	3,0	8,0	7,50	2,0	20,5	
315	TA256315	21810710413	Nguyễn Tiến	Đạt	16/03/2003	9,0	16,0	21,50	16,0	62,5	
316	TA256316	20810160502	Nguyễn Tiến	Đạt	07/11/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
317	TA256317	21819110133	Phan Bá	Đạt	10/04/2003	6,0	17,0	20,50	10,0	53,5	
318	TA256318	21810430375	Phạm Tuấn	Đông	09/05/2003	12,0	15,0	16,50	10,0	53,5	
319	TA256319	20810340193	Hoàng Minh	Đức	08/07/2002	10,0	15,0	19,00	11,0	55,0	
320	TA256320	20810230131	Nguyễn Thế	Đức	06/04/2002	12,0	15,0	23,00	13,0	63,0	
321	TA256321	20810510105	Vũ	Đức	21/11/2002	11,0	16,0	21,50	11,0	59,5	
322	TA256322	21810170291	Nguyễn Tiến	Giang	05/10/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
323	TA256323	21810610030	Bùi Đức	Hà	30/11/2003	12,0	18,0	17,00	13,0	60,0	
324	TA256324	21810710185	Lê Thu	Hà	08/12/2003	9,0	16,0	0,00	12,0	37,0	
325	TA256325	19810810063	Trịnh Thu	Hà	24/02/2001	6,0	10,0	16,50	6,0	38,5	
326	TA256326	21810720290	Lý Minh	Hạnh	18/08/2003	7,0	10,0	22,50	15,0	54,5	
327	TA256327	21810820161	Hoàng Thị Bích	Hằng	15/02/2003	6,0	7,0	24,00	9,0	46,0	
328	TA256328	20810170334	Nguyễn Duy	Hậu	26/11/2002	7,0	7,0	0,00	8,0	22,0	
329	TA256329	21810810094	Trần Thị Thanh	Hiền	14/03/2003	7,0	11,0	24,00	16,0	58,0	
330	TA256330	20810170374	Phan Văn	Hiệp	10/03/2002	6,0	14,0	13,50	10,0	43,5	
331	TA256331	20810420075	Đàm Trung	Hiếu	11/07/2002	13,0	18,0	19,50	16,0	66,5	
332	TA256332	21810710263	Nguyễn Đình	Hiếu	08/12/2003	7,0	14,0	22,50	9,0	52,5	
333	TA256333	19810170074	Vũ Trung	Hiếu	09/01/2001	7,0	9,0	23,00	5,0	44,0	
334	TA256334	21810810325	Hoàng Thị Khánh	Hoài	21/04/2003	6,0	9,0	18,00	9,0	42,0	
335	TA256335	20810430279	Bùi Văn	Hoàng	29/12/2002	7,0	14,0	19,50	10,0	50,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
336	TA256336	21810110200	Nguyễn Phúc	Hoàng	22/06/2003	9,0	13,0	10,50	10,0	42,5	
337	TA256337	20810720032	Nông Thu	Huệ	01/09/2002	10,0	7,0	16,50	8,0	41,5	
338	TA256338	21810620044	Nguyễn Hữu	Hùng	03/09/2003	11,0	14,0	20,50	11,0	56,5	
339	TA256339	21810180334	Vũ Văn	Hùng	06/11/2003	10,0	3,0	11,00	8,0	32,0	
340	TA256340	20810540335	Lê	Huy	18/10/2002	12,0	12,0	16,50	14,0	54,5	
341	TA256341	21810680375	Nguyễn Quang	Huy	28/02/2003	7,0	5,0	12,00	11,0	35,0	
342	TA256342	21810310509	Phạm Quang	Huy	30/08/2003	6,0	11,0	19,00	8,0	44,0	
343	TA256343	21810860441	Hoàng Thị Thu	Huyền	31/07/2003	7,0	14,0	22,50	13,0	56,5	
344	TA256344	20810830226	Phạm Khánh	Huyền	01/10/2002	19,0	7,0	25,50	21,0	72,5	
345	TA256345	21810710246	Kiều Văn	Hưng	18/08/2003	6,0	9,0	13,00	8,0	36,0	
346	TA256346	21819120135	Nguyễn Năng	Hưng	12/12/2003	9,0	3,0	13,50	10,0	35,5	
347	TA256347	21810000425	Trần Quang	Hưng	07/11/2002	8,0	12,0	24,00	7,0	51,0	
348	TA256348	20810110184	Đỗ Trung	Kiên	19/02/2002	10,0	9,0	19,00	15,0	53,0	
349	TA256349	21810710245	Vũ Trọng	Khang	21/11/2002	13,0	19,0	23,00	15,0	70,0	
350	TA256350	21810710016	Khuất Phú Quốc	Khánh	04/10/2003	11,0	18,0	19,00	14,0	62,0	
351	TA256351	21810410693	Nguyễn Đình	Khánh	11/09/2003	12,0	19,0	26,50	14,0	71,5	
352	TA256352	20810620095	Trần Quốc	Khánh	28/09/2002	10,0	15,0	25,50	12,0	62,5	
353	TA256353	21810850399	Vũ Thu	Lan	24/06/2003	9,0	18,0	28,50	19,0	74,5	
354	TA256354	21810710136	Dương Phương	Linh	30/11/2003	13,0	10,0	7,50	15,0	45,5	
355	TA256355	21810810314	Đỗ Phương	Linh	19/08/2003	8,0	12,0	25,50	14,0	59,5	
356	TA256356	21810810308	Hoàng Diệu Thuý	Linh	02/07/2003	8,0	14,0	22,50	14,0	58,5	
357	TA256357	21810830153	Nguyễn Phương	Linh	10/01/2003	5,0	16,0	20,50	12,0	53,5	
358	TA256358	Thí sinh tự do	Nguyễn Thị Tú	Linh	14/01/1995	24,0	18,0	30,00	21,0	93,0	
359	TA256359	21810230455	Trần Khánh	Linh	15/07/2003	9,0	20,0	19,00	19,0	67,0	
360	TA256360	21810860375	Vũ Tuấn	Linh	03/07/2003	10,0	0,0	0,00	13,0	23,0	
361	TA256361	19810420358	Nguyễn Ngọc	Long	29/07/2001	9,0	15,0	11,00	14,0	49,0	
362	TA256362	19810310653	Lâm Xuân	Lộc	15/08/2001	10,0	0,0	0,00	12,0	22,0	
363	TA256363	21810710216	Lương Thảo	Ly	25/08/2003	19,0	6,0	19,50	3,0	47,5	
364	TA256364	20810720060	Phạm Quỳnh	Mai	17/12/2002	25,0	10,0	22,50	17,0	74,5	
365	TA256365	21810430501	Nguyễn Thế	Mạnh	20/11/2003	25,0	6,0	18,00	22,0	71,0	
366	TA256366	20810230020	Trần Diệu	Mây	25/12/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
367	TA256367	21810230047	Kiều Anh	Minh	15/01/2003	24,0	8,0	20,50	21,0	73,5	
368	TA256368	21810840323	Lê Thị Hiền	Minh	13/08/2003	12,0	8,0	27,50	17,0	64,5	
369	TA256369	20810420022	Nguyễn Nhật	Minh	12/04/2002	14,0	9,0	25,00	16,0	64,0	
370	TA256370	21810840218	Hoàng Hà	My	11/08/2003	16,0	11,0	17,00	17,0	61,0	
371	TA256371	19810310620	Đỗ Hoài	Nam	09/05/2001	25,0	12,0	28,50	18,0	83,5	
372	TA256372	21810620048	Nguyễn Đăng	Nam	31/03/2003	25,0	10,0	23,00	18,0	76,0	
373	TA256373	21810180281	Trịnh Tuấn	Nam	17/09/2003	25,0	11,0	16,50	16,0	68,5	
374	TA256374	21810820316	Nguyễn Thị Thanh	Nga	25/01/2003	23,0	11,0	13,50	18,0	65,5	
375	TA256375	21810710077	Dương Thị Bích	Ngọc	26/12/2003	10,0	14,0	13,00	13,0	50,0	
376	TA256376	20810230051	Lê Thị Bích	Ngọc	09/07/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
377	TA256377	21810310555	Phạm Đình	Nguyễn	11/02/2003	21,0	17,0	15,50	20,0	73,5	
378	TA256378	21810810106	Nguyễn Tuyết	Nhi	06/03/2003	17,0	11,0	10,50	9,0	47,5	
379	TA256379	21810850412	Trần Thị Uyên	Nhi	15/05/2003	17,0	15,0	19,00	17,0	68,0	
380	TA256380	20810710101	Đào Thị	Như	25/07/2002	15,0	11,0	13,50	16,0	55,5	
381	TA256381	21810860389	Trần Thị	Oanh	20/02/2003	14,0	18,0	13,50	8,0	53,5	
382	TA256382	21810610456	Phạm Lê	Phong	23/07/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
383	TA256383	20810430397	Nguyễn Hữu	Phú	07/01/2002	16,0	17,0	9,50	19,0	61,5	
384	TA256384	19819120136	Trần Văn	Phúc	19/07/2001	15,0	1,0	0,00	17,0	33,0	
385	TA256385	21810310446	Lê Vạn	Phương	04/12/2003	15,0	8,0	13,00	16,0	52,0	
386	TA256386	21810340620	Trần Thị Thảo	Phương	02/03/2003	18,0	17,0	24,00	20,0	79,0	
387	TA256387	20810320114	Đồng Tiến	Quang	04/03/2002	11,0	8,0	13,50	8,0	40,5	
388	TA256388	21810310633	Nguyễn Đức	Quang	24/05/2003	13,0	14,0	10,50	13,0	50,5	
389	TA256389	20810710255	Trịnh Minh	Quang	22/12/2002	15,0	15,0	16,50	17,0	63,5	
390	TA256390	21810510032	Nguyễn Hoàng	Quân	16/09/2003	20,0	18,0	22,50	16,0	76,5	
391	TA256391	21810430562	Nguyễn Văn	Quý	31/12/2003	16,0	15,0	24,00	18,0	73,0	
392	TA256392	21810820188	Phạm Văn	Quý	20/08/2003	16,0	17,0	23,00	21,0	77,0	
393	TA256393	23810620039	Phí Ngọc	Quyền	07/02/2005	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
394	TA256394	Thí sinh tự do	Tăng Thị Như	Quỳnh	20/09/1999	8,0	17,0	19,00	19,0	63,0	
395	TA256395	21810180221	Nguyễn Văn	Sĩ	19/07/2003	15,0	0,0	0,00	17,0	32,0	
396	TA256396	19810720228	Đào Văn	Chiến	07/10/2001	25,0	18,0	16,50	17,0	76,5	
397	TA256397	20810620029	Lê Văn	Tài	06/12/2002	24,0	3,0	16,50	8,0	51,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
398	TA256398	21810860250	Tô Nhật	Tân	25/06/2003	23,0	13,0	8,50	18,0	62,5	
399	TA256399	19810000130	Ngô Quang	Tiến	24/08/2001	24,0	18,0	19,50	16,0	77,5	
400	TA256400	19810420254	Nguyễn Văn	Tiến	22/11/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
401	TA256401	21810180250	Bùi Đức	Toàn	23/01/2003	14,0	0,0	0,00	8,0	22,0	
402	TA256402	21810710184	Đặng Văn	Tú	18/07/2003	16,0	18,0	17,00	11,0	62,0	
403	TA256403	20810110249	Nguyễn Việt	Tú	08/08/2002	16,0	16,0	13,00	5,0	50,0	
404	TA256404	21810710087	Chu Anh	Tuấn	03/11/2003	13,0	16,0	26,50	6,0	61,5	
405	TA256405	21810430530	Nguyễn Đức	Tuấn	20/04/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
406	TA256406	21819110024	Nguyễn Văn	Tuấn	19/10/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
407	TA256407	21810310647	Lê Thanh	Tùng	14/03/2003	16,0	16,0	10,50	19,0	61,5	
408	TA256408	21810610476	Đặng Đình	Tuyên	01/01/2003	24,0	9,0	20,50	8,0	61,5	
409	TA256409	20810430263	Đinh Văn	Thái	08/10/2002	19,0	12,0	21,50	8,0	60,5	
410	TA256410	23810310389	Nguyễn Hữu	Thành	27/08/2005	20,0	19,0	25,00	17,0	81,0	
411	TA256411	21810710339	Lưu Phương	Thảo	21/01/2003	20,0	17,0	21,50	19,0	77,5	
412	TA256412	21810000381	Trịnh Thu	Thảo	11/05/2003	21,0	10,0	22,50	13,0	66,5	
413	TA256413	21810620456	Lê Quốc	Thắng	31/05/2003	14,0	17,0	22,50	20,0	73,5	
414	TA256414	21810310108	Nguyễn Khắc	Thắng	16/09/2003	18,0	15,0	15,50	11,0	59,5	
415	TA256415	20810000463	Trần Lê	Thiện	30/12/2002	15,0	19,0	24,00	20,0	78,0	
416	TA256416	21810820185	Nguyễn Văn	Thuật	09/07/2003	14,0	17,0	15,50	10,0	56,5	
417	TA256417	21810810160	Cát Thị Ngọc	Thư	03/03/2003	17,0	17,0	26,50	18,0	78,5	
418	TA256418	21810710320	Phí Thị Thanh	Trà	03/10/2003	17,0	18,0	25,50	18,0	78,5	
419	TA256419	21810710024	Nguyễn Nhật Linh	Trang	30/08/2003	18,0	19,0	18,00	22,0	77,0	
420	TA256420	21810820318	Nguyễn Thu	Trang	30/08/2003	17,0	16,0	10,50	20,0	63,5	
421	TA256421	21810860387	Trần Việt	Trí	27/02/2003	19,0	18,0	13,00	18,0	68,0	
422	TA256422	21810720374	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	11/05/2003	21,0	17,0	20,50	22,0	80,5	
423	TA256423	21810230477	Nguyễn Đức	Trung	30/10/2003	25,0	14,0	6,00	8,0	53,0	
424	TA256424	21810860370	Tạ Quang	Trung	20/09/2003	18,0	15,0	15,50	3,0	51,5	
425	TA256425	21810610494	Tô Ngọc	Trường	18/08/2003	17,0	16,0	13,00	2,0	48,0	
426	TA256426	20810420102	Chu Quốc	Việt	09/04/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
427	TA256427	21810510016	Nguyễn Đăng Thê	Vinh	19/11/2003	22,0	18,0	16,50	20,0	76,5	
428	TA256428	21810710150	Nguyễn Khoa	Vũ	07/06/2003	23,0	18,0	15,50	20,0	76,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
429	TA256429	20810710132	Vũ Quý	Vượng	23/04/2002	20,0	17,0	12,00	16,0	65,0	
430	TA256430	21810710075	Nguyễn Hải	Yến	16/01/2003	20,0	17,0	18,00	19,0	74,0	
431	TA256431	20810430322	Ngô Văn	An	02/03/2002	22,0	6,0	20,50	19,0	67,5	
432	TA256432	19810710122	Cao Lan	Anh	09/12/2001	22,0	11,0	9,50	17,0	59,5	
433	TA256433	21810810085	Đặng Diệp	Anh	22/08/2003	21,0	9,0	26,50	20,0	76,5	
434	TA256434	21810850408	Lê Gia Phương	Anh	09/11/2003	23,0	17,0	25,50	23,0	88,5	
435	TA256435	20810610243	Nguyễn Đức	Anh	26/01/2002	23,0	6,0	11,00	23,0	63,0	
436	TA256436	21810810077	Nguyễn Tú	Anh	15/11/2003	17,0	15,0	11,00	18,0	61,0	
437	TA256437	21810820327	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	05/07/2003	25,0	6,0	14,50	19,0	64,5	
438	TA256438	21810310134	Trần Mai	Anh	22/06/2003	25,0	11,0	13,00	19,0	68,0	
439	TA256439	21810310059	Đặng Minh	Ánh	10/11/2003	25,0	13,0	13,00	20,0	71,0	
440	TA256440	21810620052	Trần Nam	Ánh	10/08/2003	25,0	13,0	13,00	21,0	72,0	
441	TA256441	21810810055	Nguyễn Ngọc	Bích	22/09/2003	9,0	17,0	20,50	17,0	63,5	
442	TA256442	21810110147	Đỗ Hải	Bình	07/06/2003	14,0	15,0	18,00	6,0	53,0	
443	TA256443	21810810295	Kim Ngọc	Công	22/12/2003	13,0	17,0	22,50	8,0	60,5	
444	TA256444	21810430596	Bùi Thế	Cường	29/09/2003	15,0	17,0	25,00	13,0	70,0	
445	TA256445	21810710078	Phạm Quang	Cường	07/05/2003	15,0	17,0	21,50	20,0	73,5	
446	TA256446	21810810058	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	20/03/2003	10,0	16,5	23,00	4,0	53,5	
447	TA256447	21810440506	Bùi Trung	Chính	16/05/2003	4,0	14,0	12,00	10,0	40,0	
448	TA256448	20810340175	Đoàn Thị Bích	Diệp	27/03/2002	14,0	17,0	7,50	17,0	55,5	
449	TA256449	21810000402	Tiêu Thị	Dung	15/09/2003	9,0	14,0	1,00	17,0	41,0	
450	TA256450	20810340210	Nguyễn Khôi	Dũng	08/04/2002	7,0	19,0	22,50	8,0	56,5	
451	TA256451	20810310454	Nguyễn Minh	Dũng	10/08/2002	8,0	17,0	15,50	16,0	56,5	
452	TA256452	19810430027	Lê Hà	Duy	10/09/2001	15,0	13,0	18,00	9,0	55,0	
453	TA256453	21810820081	Đặng Thị	Duyên	27/06/2003	5,0	12,0	17,00	11,0	45,0	
454	TA256454	21810110050	Hoàng Đỗ Tùng	Dương	07/11/2003	13,0	20,0	22,50	18,0	73,5	
455	TA256455	20810110243	Đậu Trọng	Đại	01/01/2002	17,0	13,0	13,50	22,0	65,5	
456	TA256456	20810170344	Trần Văn	Đạo	11/11/2002	12,0	0,0	0,00	0,0	12,0	
457	TA256457	19810310083	Lê Minh	Đạt	07/09/2001	3,0	0,0	0,00	5,0	8,0	
458	TA256458	21810620430	Nguyễn Danh	Đạt	20/10/2003	16,0	14,0	17,00	19,0	66,0	
459	TA256459	21810620465	Nguyễn Tiến	Đạt	10/04/2003	18,0	18,0	25,00	21,0	82,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
460	TA256460	21810170494	Vũ Tiến	Đạt	19/02/2003	15,0	18,0	20,50	16,0	69,5	
461	TA256461	21810820182	Đàm Văn	Đức	20/01/2003	6,0	19,0	19,00	17,0	61,0	
462	TA256462	20810110289	Nguyễn Minh	Đức	21/08/2002	16,0	11,0	20,50	6,0	53,5	
463	TA256463	20810310291	Nguyễn Xuân	Đức	29/09/2002	16,0	14,0	19,50	9,0	58,5	
464	TA256464	20810430210	Phạm Tấn	Đức	15/12/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
465	TA256465	21810810036	Nguyễn Trường	Giang	29/03/2003	14,0	0,0	0,00	1,0	15,0	
466	TA256466	21810620063	Vũ Thị Hương	Giang	04/06/2003	14,0	18,0	19,00	9,0	60,0	
467	TA256467	21810620378	Nguyễn Đức	Hà	11/04/2003	11,0	0,0	5,00	0,0	16,0	
468	TA256468	21810310020	Đinh Thị	Hải	13/09/2003	13,0	20,0	18,00	21,0	72,0	
469	TA256469	21810110073	Trần Thanh	Hải	08/08/2003	15,0	14,0	21,50	18,0	68,5	
470	TA256470	21810710385	Nguyễn Minh	Hằng	04/05/2003	15,0	19,0	19,50	12,0	65,5	
471	TA256471	21810170535	Nguyễn Văn	Hậu	07/01/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
472	TA256472	21810620443	Nguyễn Văn	Hiên	23/12/2003	16,0	13,0	22,50	10,0	61,5	
473	TA256473	Thí sinh tự do	Trần Hoàng	Hiệp	16/02/1998	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
474	TA256474	20819110084	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002	18,0	16,5	18,00	15,0	67,5	
475	TA256475	21810610368	Nguyễn Văn	Hiếu	08/11/2003	9,0	18,0	17,00	13,0	57,0	
476	TA256476	21810710438	Hoàng Nhật	Hoa	07/08/2003	15,0	17,0	16,50	20,0	68,5	
477	TA256477	21810810057	Trịnh Thị Thu	Hoài	03/09/2003	16,0	13,0	25,00	15,0	69,0	
478	TA256478	21810710054	Hồ Tự Mạnh	Hoàng	15/08/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
479	TA256479	20810160457	Nguyễn Thế Việt	Hoàng	11/03/2002	5,0	14,0	28,50	13,0	60,5	
480	TA256480	21810820194	Bùi Việt	Hùng	09/11/2003	10,0	16,5	24,00	11,0	61,5	
481	TA256481	21810820232	Nguyễn Mạnh	Hùng	27/08/2003	13,0	7,0	25,50	4,0	49,5	
482	TA256482	20810000502	Đặng Vĩnh	Huy	16/10/2002	16,0	20,0	24,00	19,0	79,0	
483	TA256483	21810680430	Lê Quang	Huy	01/11/2003	12,0	17,0	29,00	12,0	70,0	
484	TA256484	20810000123	Nguyễn Quang	Huy	03/07/2002	8,0	15,0	11,00	16,0	50,0	
485	TA256485	21810310545	Phùng Ngọc	Huy	23/11/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
486	TA256486	21810710352	Mai Thu	Huyền	20/06/2003	5,0	0,0	13,00	6,0	24,0	
487	TA256487	20810170311	Phùng Xuân	Huynh	03/02/2002	7,0	13,0	13,00	10,0	43,0	
488	TA256488	21810110034	Ngô Phan Việt	Hưng	06/11/2003	6,0	12,0	9,50	16,0	43,5	
489	TA256489	21810620416	Nguyễn Ngọc	Hưng	02/05/2003	6,0	11,0	10,50	6,0	33,5	
490	TA256490	20810430142	Trần Thế	Hưng	04/10/2002	2,0	0,0	0,00	2,0	4,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
491	TA256491	21810110201	Phùng Minh	Kiên	13/09/2003	4,0	13,0	14,50	8,0	39,5	
492	TA256492	21810310115	Dương Quốc	Khánh	13/09/2003	10,0	18,0	23,00	16,0	67,0	
493	TA256493	20810160483	Lại Duy	Khánh	10/04/2002	21,0	11,0	12,00	14,0	58,0	
494	TA256494	21810110530	Nguyễn Đức	Khánh	09/09/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
495	TA256495	20810430367	Trịnh Quốc	Khánh	02/09/2001	6,0	11,0	11,00	8,0	36,0	
496	TA256496	19810840058	Thái Thị	Khuyên	30/05/2001	23,0	15,0	12,00	19,0	69,0	
497	TA256497	21810230450	Đào Thị	Liên	14/09/2003	24,0	19,0	17,00	17,0	77,0	
498	TA256498	21810820325	Đào Thuỳ	Linh	12/12/2003	14,0	14,0	9,50	17,0	54,5	
499	TA256499	21810710302	Hà Diệu	Linh	17/11/2003	21,0	16,0	19,50	15,0	71,5	
500	TA256500	21810810170	Kiều Vân	Linh	12/04/2003	16,0	6,0	9,50	5,0	36,5	
501	TA256501	20810320111	Nguyễn Thị Khánh	Linh	14/09/2002	15,0	18,0	16,50	8,0	57,5	
502	TA256502	21810820144	Nguyễn Thuỳ	Linh	16/12/2003	24,0	17,0	20,50	17,0	78,5	
503	TA256503	21810810039	Trịnh Huyền	Linh	21/06/2003	16,0	8,0	7,50	8,0	39,5	
504	TA256504	21810820139	Vũ Thị Bích	Loan	11/05/2003	4,0	11,0	13,00	11,0	39,0	
505	TA256505	20810110302	Nguyễn Văn	Long	20/08/2002	6,0	8,0	7,50	7,0	28,5	
506	TA256506	21810820117	Tạ Minh	Lợi	17/04/2003	6,0	19,0	18,00	6,0	49,0	
507	TA256507	20810310319	Đỗ Huy	Mạnh	17/07/2002	6,0	0,0	0,00	11,0	17,0	
508	TA256508	20810000195	Phạm Tiến	Mạnh	30/05/2025	8,0	8,0	0,00	12,0	28,0	
509	TA256509	21810180317	Đậu Huy	Minh	06/05/2003	6,0	0,0	0,00	8,0	14,0	
510	TA256510	21810610093	Lê Đức	Minh	06/08/2003	7,0	19,0	13,50	10,0	49,5	
511	TA256511	20810510085	Nguyễn Anh	Minh	18/05/2000	8,0	20,0	25,50	21,0	74,5	
512	TA256512	21810110083	Phạm Bình	Minh	29/10/2003	7,0	18,0	21,50	13,0	59,5	
513	TA256513	20810610258	Nguyễn Ngọc	Mỹ	11/01/2002	15,0	4,0	9,50	8,0	36,5	
514	TA256514	20810320090	Nguyễn Hoàng	Nam	04/12/2002	12,0	19,0	22,50	16,0	69,5	
515	TA256515	23810310449	Nguyễn Bá	Năng	03/06/2005	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
516	TA256516	21810810173	Phạm Thị Phương	Nga	11/11/2003	7,0	18,0	29,00	15,0	69,0	
517	TA256517	21810710386	Đinh Tuấn	Nghĩa	23/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
518	TA256518	21810710421	Đào Thị Bích	Ngọc	04/08/2003	9,0	4,0	7,50	5,0	25,5	
519	TA256519	21810710340	Trần Thị Bích	Ngọc	22/10/2003	3,0	14,0	26,50	8,0	51,5	
520	TA256520	21810810054	Lê Thị Thanh	Nhàn	05/07/2003	9,0	17,0	26,50	11,0	63,5	
521	TA256521	21810820138	Nguyễn Thị Hằng	Nhi	22/03/2003	6,0	16,0	19,00	19,0	60,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
522	TA256522	21810820333	Bùi Thị	Nhung	01/12/2002	6,0	16,0	30,00	15,0	67,0	
523	TA256523	20810320135	Đinh Văn	Như	23/01/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
524	TA256524	20810710128	Đỗ Năng	Phát	05/04/2002	6,0	18,0	15,50	8,0	47,5	
525	TA256525	20810310355	Trần Quang	Phong	18/10/2002	11,0	12,0	16,50	12,0	51,5	
526	TA256526	21810610057	Nguyễn Quý	Phú	17/03/2003	11,0	12,0	28,50	15,0	66,5	
527	TA256527	21810860235	Trần Hữu	Phước	24/08/2003	8,0	14,0	29,00	21,0	72,0	
528	TA256528	21810820118	Ngô Thị Hà	Phương	13/12/2003	11,0	17,0	21,50	16,0	65,5	
529	TA256529	21810840237	Vũ Thị Linh	Phương	20/06/2003	5,0	17,0	25,00	12,0	59,0	
530	TA256530	20810410029	Hoàng Đức	Quang	17/11/2002	6,0	15,0	19,00	14,0	54,0	
531	TA256531	21810110204	Nguyễn Văn	Quang	17/11/2003	3,0	18,0	28,50	15,0	64,5	
532	TA256532	21810680411	Dương Anh	Quân	04/03/2003	12,0	12,0	29,00	12,0	65,0	
533	TA256533	20810110271	Phạm Văn	Quân	28/08/2002	10,0	3,0	14,50	9,0	36,5	
534	TA256534	20810420001	Nguyễn Văn	Quý	31/08/2002	8,0	17,0	20,50	19,0	64,5	
535	TA256535	21810710422	Vũ Văn	Quý	11/09/2003	8,0	16,0	7,00	19,0	50,0	
536	TA256536	21810310103	Thân Ái	Quỳnh	21/05/2003	12,0	16,0	20,50	17,0	65,5	
537	TA256537	21810410756	Bùi Khắc	Sáng	15/09/2003	13,0	12,0	29,00	13,0	67,0	
538	TA256538	19810430230	Thái Văn	Sinh	19/12/2001	14,0	14,0	26,50	18,0	72,5	
539	TA256539	21810810257	Hoàng Minh	Sơn	16/10/2003	14,0	17,0	13,50	20,0	64,5	
540	TA256540	21810310612	Phạm Hoàng Trung	Sơn	21/05/2003	6,0	16,0	25,00	8,0	55,0	
541	TA256541	21810310005	Phạm Đức	Tài	16/10/2003	7,0	0,0	0,00	8,0	15,0	
542	TA256542	21810620083	Nguyễn Trọng	Tấn	10/12/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
543	TA256543	20810420092	Nguyễn Hữu Mạnh	Tiến	01/06/2002	7,0	10,0	25,50	13,0	55,5	
544	TA256544	19810000088	Phạm Minh	Tiến	14/08/2001	7,0	10,0	17,00	15,0	49,0	
545	TA256545	21810310172	Nguyễn Đắc Khánh	Toàn	30/11/2003	8,0	18,0	24,00	21,0	71,0	
546	TA256546	20810340158	Đỗ Thành	Tú	23/09/2002	12,0	18,0	24,00	19,0	73,0	
547	TA256547	21810710209	Phan Ngọc	Tú	25/09/2003	14,0	14,0	21,50	19,0	68,5	
548	TA256548	21810820186	Đỗ Văn	Tuấn	28/01/2003	16,0	16,0	19,50	14,0	65,5	
549	TA256549	21810710005	Nguyễn Minh	Tuấn	17/01/2003	11,0	17,0	20,50	8,0	56,5	
550	TA256550	21810310608	Trần Hữu	Tuấn	24/06/2003	9,0	11,0	20,50	13,0	53,5	
551	TA256551	20810710291	Nguyễn Thanh	Tùng	03/12/2002	8,0	19,0	18,00	16,0	61,0	
552	TA256552	21810610076	Đặng Minh	Tuyên	03/10/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
553	TA256553	20810110174	Đoàn Quốc	Thái	20/10/2002	11,0	16,0	17,00	21,0	65,0	
554	TA256554	20810000489	Đinh Thị Phương	Thảo	22/04/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
555	TA256555	23810230218	Vũ Thị Hồng	Thắm	23/03/2005	11,0	19,0	19,50	15,0	64,5	
556	TA256556	21810860248	Lý Hoàng	Thắng	25/12/2003	11,0	18,0	20,50	10,0	59,5	
557	TA256557	21810680462	Nguyễn Minh	Thắng	12/09/2003	11,0	16,0	30,00	8,0	65,0	
558	TA256558	20810000226	Nguyễn Hàn	Thiệu	06/02/2002	14,0	16,0	19,50	14,0	63,5	
559	TA256559	20810000431	Hoàng Thị Bích	Thùy	21/03/2002	15,0	16,0	15,50	17,0	63,5	
560	TA256560	21810810213	Lý Hà	Thư	06/11/2003	13,0	17,0	16,50	18,0	64,5	
561	TA256561	21810720304	Đoàn Thị	Trang	14/02/2003	19,0	16,0	9,50	5,0	49,5	
562	TA256562	21810710205	Nguyễn Quỳnh	Trang	22/11/2003	19,0	0,0	0,00	16,0	35,0	
563	TA256563	21810710115	Phạm Quỳnh	Trang	22/04/2003	12,0	17,0	19,50	4,0	52,5	
564	TA256564	21810610079	Trịnh Đức	Triệu	06/10/2003	13,0	18,0	24,00	5,0	60,0	
565	TA256565	Thí sinh tự do	Bùi Đức	Trung	02/10/1991	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
566	TA256566	21810410520	Nguyễn Huy	Trung	29/05/2003	19,0	16,0	20,50	3,0	58,5	
567	TA256567	21810000382	Nguyễn Lương	Trường	27/01/2003	9,0	16,0	15,50	8,0	48,5	
568	TA256568	21810710353	Nguyễn Tổ	Uyên	08/04/2003	18,0	16,0	25,50	10,0	69,5	
569	TA256569	21810440627	Hồ Sỹ	Việt	22/07/2003	10,0	18,0	23,00	16,0	67,0	
570	TA256570	21810620541	Phạm Thế	Vinh	17/11/2003	9,0	17,0	24,00	15,0	65,0	
571	TA256571	21810710355	Chu Văn	Vương	14/03/2003	13,0	17,0	25,00	9,0	64,0	
572	TA256572	21810710060	Nguyễn Thị	Vy	19/12/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
573	TA256573	21810720436	Dương Thị Hải	Yến	28/07/2003	13,0	15,0	0,00	2,0	30,0	
574	TA256574	21810810128	Nguyễn Thuý	An	28/05/2003	13,0	18,0	12,00	14,0	57,0	
575	TA256575	21810710084	Cao Nguyễn Kiều	Anh	16/05/2003	9,0	17,0	15,50	18,0	59,5	
576	TA256576	21810410435	Đinh Quốc	Anh	30/05/2003	8,0	17,0	7,50	3,0	35,5	
577	TA256577	20810110136	Lê Hoàng	Anh	03/07/2000	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
578	TA256578	21810820233	Nguyễn Hồng	Anh	05/09/2003	19,0	16,0	19,00	21,0	75,0	
579	TA256579	21810620442	Nguyễn Tuấn	Anh	25/03/2003	18,0	17,0	20,50	4,0	59,5	
580	TA256580	21810710456	Nguyễn Việt	Anh	13/04/2003	17,0	16,0	14,50	13,0	60,5	
581	TA256581	21810310133	Trần Phương	Anh	22/06/2003	17,0	15,0	13,00	8,0	53,0	
582	TA256582	20810000242	Nguyễn Thị	Ánh	01/03/2002	13,0	14,0	7,50	4,0	38,5	
583	TA256583	21810850218	Phạm Xuân	Bách	15/09/2002	4,0	17,0	19,50	3,0	43,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
584	TA256584	21810810221	Trần Thị Ngọc	Bích	25/11/2003	18,0	15,0	19,00	5,0	57,0	
585	TA256585	20810000412	Hoàng Hiếu	Bình	25/08/2002	14,0	18,0	15,50	6,0	53,5	
586	TA256586	21810710336	Nguyễn Thành	Công	18/12/2003	19,0	18,0	17,00	15,0	69,0	
587	TA256587	21810710409	Mai Văn	Cường	21/12/2003	20,0	16,0	11,00	8,0	55,0	
588	TA256588	21810000387	Vũ Trí	Cường	22/05/2003	20,0	17,0	16,50	2,0	55,5	
589	TA256589	20810230037	Phạm Hoàng Đan	Chi	04/02/2002	9,0	19,0	15,50	8,0	51,5	
590	TA256590	21810310367	Nguyễn Xuân	Chính	12/06/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
591	TA256591	21810710035	Bùi Thuỳ	Dung	16/12/2003	18,0	14,0	13,50	5,0	50,5	
592	TA256592	19810230016	Đoàn Tiến	Dũng	28/03/2001	19,0	18,0	16,50	5,0	58,5	
593	TA256593	20819120008	Nguyễn Mạnh	Dũng	16/08/2001	19,0	0,0	0,00	1,0	20,0	
594	TA256594	21810820193	Nguyễn Đặng Khánh	Duy	02/07/2003	6,0	18,0	14,50	8,0	46,5	
595	TA256595	21810820306	Lê Thị	Duyên	18/10/2003	19,0	17,0	14,50	15,0	65,5	
596	TA256596	21810720190	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	25/09/2003	17,0	15,0	18,00	4,0	54,0	
597	TA256597	20810160487	Nhữ Đình	Đại	28/04/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
598	TA256598	21810110058	Bùi Tuấn	Đạt	12/09/2003	18,0	0,0	0,00	0,0	18,0	
599	TA256599	21810310143	Nguyễn Chí	Đạt	14/01/2003	10,0	17,0	25,00	16,0	68,0	
600	TA256600	20810110188	Nguyễn Đức	Đạt	22/09/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
601	TA256601	22810430283	Nguyễn Xuân	Đạt	14/08/2004	17,0	13,0	25,00	18,0	73,0	
602	TA256602	21810720016	Lê Thị Anh	Đoài	18/02/2002	21,0	16,0	21,50	8,0	66,5	
603	TA256603	20810310458	Mai Văn	Đoàn	16/03/2002	19,0	10,0	26,50	21,0	76,5	
604	TA256604	20810430287	Nguyễn Minh	Đức	05/04/2002	18,0	14,0	23,00	14,0	69,0	
605	TA256605	20810320102	Phạm Duy	Đức	10/12/2001	19,0	19,0	29,00	20,0	87,0	
606	TA256606	20810000127	Bùi Trà	Giang	03/08/2002	19,0	17,0	23,00	19,0	78,0	
607	TA256607	21810710398	Hồ Linh	Giang	04/10/2003	20,0	18,0	25,50	21,0	84,5	
608	TA256608	21810810092	Phạm Hương	Giang	23/02/2003	24,0	13,0	23,00	21,0	81,0	
609	TA256609	21810000372	Nguyễn Thị	Hà	23/03/2003	24,0	18,0	19,00	23,0	84,0	
610	TA256610	21810710223	Trần Nhật	Hải	21/03/2003	16,0	18,0	28,50	21,0	83,5	
611	TA256611	23810170246	Trương Sơn	Hải	26/06/2005	20,0	14,0	30,00	20,0	84,0	
612	TA256612	21810850415	Nguyễn Thị	Hằng	23/12/2002	18,0	14,0	21,50	20,0	73,5	
613	TA256613	21810720451	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/09/2003	25,0	17,0	26,50	24,0	92,5	
614	TA256614	21810720021	Phạm Quý	Hiền	20/11/2003	21,0	18,0	22,50	23,0	84,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
615	TA256615	20810170420	Phan Hùng	Hiếu	07/11/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
616	TA256616	21810310333	Hoàng Xuân	Hiếu	02/08/2003	17,0	15,0	19,50	9,0	60,5	
617	TA256617	20810160509	Trần Trung	Hiếu	11/03/2002	16,0	15,0	24,00	16,0	71,0	
618	TA256618	21810830264	Nguyễn Thị	Hoa	17/11/2003	8,0	15,0	18,00	13,0	54,0	
619	TA256619	21810410648	Nguyễn Văn	Hoàn	29/10/2003	21,0	14,0	20,50	19,0	74,5	
620	TA256620	21810860434	Lê Việt	Hoàng	01/09/2003	17,0	19,0	25,50	21,0	82,5	
621	TA256621	21810170313	Trần Bá	Hoàng	03/03/2003	16,0	10,0	25,50	19,0	70,5	
622	TA256622	21810410014	Đinh Mạnh	Hùng	29/05/2003	13,0	15,0	19,50	20,0	67,5	
623	TA256623	20810430159	Nguyễn Minh	Hùng	20/02/2002	17,0	15,0	24,00	16,0	72,0	
624	TA256624	21810180249	Đỗ Mạnh	Huy	03/06/2003	19,0	18,0	15,50	21,0	73,5	
625	TA256625	21810310034	Nguyễn Công	Huy	07/12/2003	18,0	16,0	24,00	22,0	80,0	
626	TA256626	20810430122	Nguyễn Quang	Huy	28/04/2001	22,0	13,0	28,50	15,0	78,5	
627	TA256627	20810310485	Trần Đức	Huy	12/06/2002	16,0	15,0	25,00	19,0	75,0	
628	TA256628	21810820279	Nguyễn Khánh	Huyền	06/12/2003	22,0	14,0	26,50	20,0	82,5	
629	TA256629	21810510036	Đinh Tiến	Hung	29/12/2003	22,0	16,0	17,00	23,0	78,0	
630	TA256630	20810000368	Nguyễn Hữu	Hung	19/12/2002	19,0	20,0	26,50	20,0	85,5	
631	TA256631	20810430132	Phạm Thành	Hung	20/09/2002	23,0	14,0	22,50	20,0	79,5	
632	TA256632	21810810322	Nguyễn Thị	Hương	05/08/2003	23,0	14,0	25,00	22,0	84,0	
633	TA256633	20810340166	Trần Chí	Kiên	28/03/2002	23,0	19,0	19,50	20,0	81,5	
634	TA256634	21810710093	Đặng Đình	Khánh	31/08/2003	23,0	14,0	13,00	22,0	72,0	
635	TA256635	19810430079	Lê Quang	Khánh	18/01/2001	23,0	8,0	9,50	20,0	60,5	
636	TA256636	21810310043	Nguyễn Khắc Việt	Khánh	14/12/2003	12,0	18,0	16,50	20,0	66,5	
637	TA256637	21810430597	Trần Văn	Khánh	10/01/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
638	TA256638	21810710271	Nguyễn Ngọc	Lan	18/02/2003	25,0	12,0	19,00	24,0	80,0	
639	TA256639	21810000389	Nguyễn Thị	Lê	29/05/2003	24,0	17,0	15,50	24,0	80,5	
640	TA256640	21810710373	Đỗ Gia	Linh	08/10/2003	24,0	19,0	19,50	24,0	86,5	
641	TA256641	20810310546	Đới Xuân	Linh	28/02/2002	20,0	19,0	19,50	17,0	75,5	
642	TA256642	21810000430	Nguyễn Bá	Linh	08/08/2003	25,0	15,0	10,50	17,0	67,5	
643	TA256643	19810230051	Nguyễn Thị Khánh	Linh	17/11/2001	22,0	16,0	16,50	13,0	67,5	
644	TA256644	20810830208	Phạm Thị Kiều	Linh	10/04/2002	24,0	14,0	26,50	17,0	81,5	
645	TA256645	21810710071	Trịnh Thị Nhật	Linh	22/10/2002	24,0	14,0	21,50	17,0	76,5	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
646	TA256646	20810420017	Đinh Tiến	Long	04/09/2002	21,0	8,0	16,50	18,0	63,5	
647	TA256647	19810110322	Nguyễn Vũ	Long	07/09/2001	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
648	TA256648	21810430526	Nguyễn Trọng	Lương	13/12/2003	23,0	16,0	25,00	22,0	86,0	
649	TA256649	21810810187	Trần Khánh	Ly	11/12/2003	22,0	15,0	13,50	19,0	69,5	
650	TA256650	21810430570	Hoàng Xuân	Mạnh	22/01/2003	23,0	11,0	20,50	16,0	70,5	
651	TA256651	20810430296	Trần Văn	Mạnh	13/01/2002	20,0	16,0	23,00	7,0	66,0	
652	TA256652	21810860260	Đoàn Công	Minh	08/12/2003	23,0	17,0	17,00	19,0	76,0	
653	TA256653	21810310616	Lê Hoàng	Minh	24/04/2003	11,0	17,0	22,50	20,0	70,5	
654	TA256654	21810710046	Nguyễn Đức	Minh	02/05/2003	25,0	14,0	10,50	17,0	66,5	
655	TA256655	21810840235	Phùng Quang	Minh	22/10/2003	20,0	20,0	24,00	14,0	78,0	
656	TA256656	21810810112	Lê	Na	01/03/2003	23,0	13,0	19,50	21,0	76,5	
657	TA256657	20810110159	Lê Phương	Nam	05/03/2002	25,0	13,0	13,50	17,0	68,5	
658	TA256658	20810310064	Trần Hoài	Nam	28/11/2002	9,0	15,0	13,50	9,0	46,5	
659	TA256659	20810430238	Nguyễn Tài	Năng	16/03/2002	24,0	15,0	25,50	17,0	81,5	
660	TA256660	21810820253	Trịnh Phương	Nga	08/02/2003	23,0	12,0	27,50	18,0	80,5	
661	TA256661	20810310379	Lê Minh	Nghĩa	04/08/2002	20,0	10,0	29,00	18,0	77,0	
662	TA256662	21810820290	Hoàng Thị	Ngọc	30/05/2003	24,0	12,0	29,00	16,0	81,0	
663	TA256663	21810620410	Vũ Đăng	Ngọc	21/04/2003	24,0	12,0	26,50	19,0	81,5	
664	TA256664	21810620434	Nguyễn Viết	Nhâm	29/03/2002	23,0	10,0	27,50	21,0	81,5	
665	TA256665	20810230096	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	13/08/2002	24,0	11,0	29,00	17,0	81,0	
666	TA256666	21810710345	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	24,0	14,0	26,50	18,0	82,5	
667	TA256667	21810810226	Lý Huyền	Như	15/02/2003	12,0	12,0	23,00	9,0	56,0	
668	TA256668	21810680467	Lê Quang	Phong	12/02/2002	23,0	12,0	25,00	14,0	74,0	
669	TA256669	20810310505	Vũ Hải	Phong	28/07/2002	24,0	15,0	25,00	20,0	84,0	
670	TA256670	21810620552	Nguyễn Việt	Phú	26/12/2003	22,0	12,0	25,00	15,0	74,0	
671	TA256671	21810860427	Hoàng Mai	Phương	14/04/2003	24,0	10,0	29,00	18,0	81,0	
672	TA256672	21810810186	Nguyễn Mai	Phương	03/06/2003	15,0	14,0	19,50	21,0	69,5	
673	TA256673	20810310424	Chu Văn	Quang	01/12/2002	24,0	0,0	0,00	9,0	33,0	
674	TA256674	21810820145	Hoàng Hồ	Quang	26/10/2003	23,0	19,0	25,50	21,0	88,5	
675	TA256675	21810180302	Nguyễn Việt	Quang	28/05/2003	22,0	0,0	0,00	7,0	29,0	
676	TA256676	21810430554	Hoàng Minh	Quân	26/02/2003	0,0	13,0	19,00	0,0	32,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
677	TA256677	20810110294	Vũ Minh	Quân	13/08/2002	21,0	11,0	30,00	17,0	79,0	
678	TA256678	21810510416	Phạm Bá	Quý	06/02/2003	22,0	13,0	26,50	12,0	73,5	
679	TA256679	21810180267	Phạm Công	Quyền	21/07/2003	20,0	10,0	25,50	14,0	69,5	
680	TA256680	21810710395	Lê Diễm	Quỳnh	09/02/2003	11,0	0,0	0,00	13,0	24,0	
681	TA256681	21810860406	Trương Thị	Quỳnh	15/11/2003	13,0	13,0	25,00	8,0	59,0	
682	TA256682	23810170244	Nguyễn Công	Son	07/06/2005	6,0	18,0	9,50	19,0	52,5	
683	TA256683	20810310270	Phùng Thái	Son	26/02/2002	14,0	16,0	19,00	13,0	62,0	
684	TA256684	20810110165	Nguyễn Bình	Tâm	08/03/2002	6,0	16,0	19,00	13,0	54,0	
685	TA256685	21810710156	Lê Thủy	Tiên	15/04/2003	11,0	15,0	25,50	19,0	70,5	
686	TA256686	21810620554	Nguyễn Minh	Tiến	01/02/2003	6,0	0,0	0,00	6,0	12,0	
687	TA256687	20810310517	Trần Chí	Tiến	17/03/2002	4,0	18,0	25,00	15,0	62,0	
688	TA256688	21810110019	Trần Quốc	Toàn	02/03/2003	7,0	0,0	0,00	20,0	27,0	
689	TA256689	20810000465	Lê Anh	Tú	26/06/2002	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
690	TA256690	20810420100	Tô Anh	Tú	22/02/2002	8,0	11,0	27,50	8,0	54,5	
691	TA256691	21810410103	Nguyễn Anh	Tuấn	21/10/2003	14,0	16,0	22,50	18,0	70,5	
692	TA256692	20810000413	Trần Văn	Tuấn	30/05/2002	23,0	19,0	25,50	18,0	85,5	
693	TA256693	21810410032	Phạm Đình	Tùng	10/05/2003	18,0	14,0	22,50	13,0	67,5	
694	TA256694	21810720009	Lê Thị	Tuyển	03/11/2003	24,0	16,0	27,50	14,0	81,5	
695	TA256695	20810310337	Đỗ Tiến	Thành	14/12/2002	21,0	18,0	25,50	16,0	80,5	
696	TA256696	21810810123	Đinh Thu	Thảo	16/10/2003	0,0	0,0	0,00	0,0	0,0	
697	TA256697	19810840002	Nguyễn Phương	Thảo	16/01/2001	19,0	18,0	22,50	8,0	67,5	
698	TA256698	21810620006	Bùi Đức	Thắng	16/10/2003	13,0	8,0	11,00	16,0	48,0	
699	TA256699	19810110040	Nguyễn Đức	Thắng	03/01/2001	23,0	16,0	25,50	7,0	71,5	
700	TA256700	19810310255	Phan Đức	Thắng	22/10/2001	23,0	11,0	19,00	21,0	74,0	
701	TA256701	20810420101	Nông Đức	Thuận	03/11/2002	16,0	10,0	28,50	12,0	66,5	
702	TA256702	21810310352	Nguyễn Thị	Thùy	14/01/2003	21,0	8,0	16,50	9,0	54,5	
703	TA256703	19810110339	Nguyễn Quang	Thực	21/09/2001	3,0	14,0	13,00	12,0	42,0	
704	TA256704	21810710034	Hà Thu	Trang	01/12/2003	15,0	14,0	19,00	21,0	69,0	
705	TA256705	21810710317	Nguyễn Thị	Trang	11/07/2003	12,0	16,0	17,00	20,0	65,0	
706	TA256706	21810710240	Trần Phương	Trang	20/08/2003	14,0	20,0	26,50	16,0	76,5	
707	TA256707	21810810191	Nguyễn Thị Kiều	Trinh	19/08/2003	10,0	13,0	25,00	19,0	67,0	

STT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Ngày sinh	Nghe (thang điểm 25)	Nói (thang điểm 20)	Đọc (thang điểm 30)	Viết (thang điểm 25)	Tổng	Ghi chú
708	TA256708	19810000158	Nguyễn Đình	Trung	02/04/2001	24,0	13,0	11,00	14,0	62,0	
709	TA256709	20810160563	Nguyễn Thành	Trung	20/03/2002	14,0	14,0	15,50	19,0	62,5	
710	TA256710	20810340237	Nguyễn Thanh	Trường	13/12/2002	8,0	0,0	0,00	6,0	14,0	
711	TA256711	19810410284	Trần Văn	Ước	18/02/2001	16,0	12,0	19,50	12,0	59,5	
712	TA256712	21810410164	Đặng Xuân	Vinh	02/02/2003	9,0	12,0	23,00	18,0	62,0	
713	TA256713	20810630013	Trần Xuân	Vinh	03/11/2002	13,0	7,0	6,00	6,0	32,0	
714	TA256714	20810430324	Lê Công	Vương	03/09/2002	5,0	12,0	9,50	16,0	42,5	
715	TA256715	21810720019	Phạm Ngô Hà	Vy	23/09/2003	4,0	16,0	10,50	18,0	48,5	
716	TA256716	20810000386	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	24/09/2002	17,0	11,0	19,50	8,0	55,5	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 716 thí sinh